

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khương Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Đông;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hứa Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: xã T, huyện L, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Thạch M, sinh năm 1984; địa chỉ: phường PM, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hứa Thị H trình bày:

Bà Hứa Thị H và ông Thạch M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 01 tháng 02 năm 2019. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có tiếng nói chung. Ngoài ra, ông M

không phụ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, thường xuyên rượu chè, cờ bạc. Từ tháng 3/2022 đến nay, vợ chồng bà H và ông M không còn sống chung nhà. Hiện tại, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau nữa. Bà H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông M có 01 con chung là cháu Thạch Hứa Thiên A, sinh ngày 03/7/2019. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Thạch Hứa Thiên A, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau (bản sao): Căn cước công dân của bà H, ông M; sổ hộ khẩu của bà H, ông M; Đơn xác nhận tạm trú của bà H, ông M; Giấy chứng nhận kết hôn; trích lục khai sinh con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thạch M trình bày:

Về hôn nhân: Ông M thống nhất với ý kiến của bà H về thời gian kết hôn, về con chung trong thời kỳ hôn nhân. Hiện nay, bà H yêu cầu ly hôn ông M không đồng ý vì con chung còn nhỏ.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà H và ông M ly hôn với nhau, ông M đồng ý cho bà H được quyền trực tiếp nuôi con và ông M không cấp dưỡng nuôi con, với điều kiện bà H và con là cháu Thạch Hứa Thiên Ân phải sinh sống tại tỉnh Bình Dương để ông M có điều kiện thăm con. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông M được quyền trực tiếp nuôi con, ông M không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông M không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Hứa Thị H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Thạch M. Về con chung bà H giữ nguyên yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Thạch Hứa Thiên Ân, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Thạch M trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn của nguyên đơn bà Hứa Thị H. Tuy nhiên, trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực

hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Hứa Thị H và ông Thạch M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 01 tháng 02 năm 2019. Bà H có đơn xin ly hôn với ông M và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Bà H cho rằng vợ chồng bà H và ông M chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Tuy nhiên, về sau trong cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông M thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột, không còn hiểu nhau và nhận thấy tình cảm ngày một xa cách. Từ tháng 3/2022 đến nay, bà H và ông M đã không còn sống chung nhà, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Ông M cho rằng: Bà H ngoại tình với người đàn ông khác nên yêu cầu ly hôn với ông M. Hội đồng xét xử xét thấy, từ tháng 3/2022 đến nay, bà H và ông M không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Ông M cho rằng bà H không chung thủy, ngoại tình với người đàn ông khác, nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông M có 01 người con chung là cháu Thạch Hứa Thiên A, sinh ngày 03/7/2019. Xét thấy, cháu Ân còn nhỏ, sống với mẹ sẽ đảm bảo điều kiện chăm sóc cho cháu. Do đó, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Ân sau khi ly hôn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hứa Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị H đối với ông Thạch M về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hứa Thị H được ly hôn đối với ông Thạch M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 01/02/2019 do UBND xã Thạnh Hòa Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Hứa Thị H và ông Thạch M không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Hứa Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thạch Hứa Thiên A, sinh ngày 03/7/2019.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Ông Thạch M có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hứa Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001666 ngày 20/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Thạnh Hòa Sơn, H.Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh ;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khương Minh Trí